

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai ước thực hiện thu chi Quý II/2023
và 6 tháng đầu năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 103/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 104/2022/NQ - HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND thành phố Nam định về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội thành phố và phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 6768/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023.

Xét Tờ trình số 568/TTr-TCKH ngày 29 tháng 6 năm 2023 của phòng Tài chính kế hoạch thành phố Nam Định về việc Công bố công khai ước thực hiện thu chi ngân sách quý I năm 2023 thành phố Nam Định, Tờ trình số 621/TTr-VP ngày 29/6/2023 của Văn phòng HĐND - UBND thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu ước thu chi ngân sách thành phố Nam Định quý II và 6 tháng đầu năm 2023 (có các biểu đính kèm),

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh văn phòng HĐND - UBND Thành phố, Trưởng phòng Tài chính kế hoạch, Thủ trưởng các ban ngành, đơn vị thuộc thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *Đã*

- TT Thành ủy, TT HĐND-UBND;
- Sở Tài chính Tỉnh NEĐ;
- Các đơn vị ban ngành thuộc UBND TP;
- Viện kiểm sát nhân dân T.phố;
- Tòa án nhân dân thành phố;
- Như điều 3;
- Lưu VT, KT. *HLH*



CHỦ TỊCH

Phạm Duy Hưng

**CÂN ĐỐI ƯỚC THỰC HIỆN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
QUÝ II NĂM 2023 THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2023	So sánh ước thực hiện với (%)		GHI CHÚ
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước	
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.833.600	110.048	6	81	
I	THU NỘI ĐỊA:	1.833.600	110.048	6	81	
	- Các khoản thu ngân sách thành phố hưởng 100%	201.000	33.704	17	52	
	- Các khoản thu phân chia các cấp ngân sách	1.632.600	76.344	5	109	
III	THU THUẾ XUẤT, NHẬP KHẨU:					
B	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:	2.232.064	166.592	7	59	
I	THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.231.714	164.464	7	58	
1	Thu ngân sách địa phương theo phân cấp:	1.833.600	110.048	6	81	
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	398.114	54.416	14	37	
3	Thu chuyển nguồn					
II	THU THUẾ XUẤT, NHẬP KHẨU:					
II	CÁC KHOẢN THU QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH	350	2.128	608	872	
C	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:	1.058.464	183.964	17	80	
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	1.058.114	183.964	17	80	
1	Chi đầu tư phát triển	355.000	11.003	3	27	
	- Nguồn thu tiền sử dụng đất	290.000	11.003	4		
	- Nguồn khác	65.000			-	
2	Chi thường xuyên	681.944	172.961	25	91	
3	Dự phòng ngân sách	21.170				
4	Nguồn tăng thu năm 2021					
II	CHI TỪ CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI QL QUA NSNN	350		-		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 247/TTr-TCKH ngày 11/4/2023 của phòng Tài chính kế hoạch thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2023		THỰC HIỆN QUÍ II NĂM 2023		So sánh ước thực hiện với (%)		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu ngân sách TP,XP	Tổng thu NSNN	Thu ngân sách TP,XP	Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước	
A	THU NỘI ĐỊA	1.833.600	660.000	287.028	131.944	16	212	
I	Thu nội địa cân đối ngân sách	1.833.600	660.000	287.028	131.944	16	212	
1	Thu XNQD TW	500	500	45	45	9	250	
2	Thu XNQD ĐP	7.600	7.600	2.611	2.611	34	133	
3	Thu từ DN vốn đầu tư nước ngoài			11				
3	Thu từ khu vực NQD	139.000	137.800	40.087	40.087	29	119	
4	Thu lệ phí trước bạ	117.000	117.000	22.658	22.658	19	69	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.500	10.500	2.038	2.038	19	47	
6	Thuế thu nhập cá nhân	70.000	70.000	13.406	13.406	19	68	
7	Thu phí, lệ phí	13.000	9.500	2.662	1.114	20	201	
8	Tiền SD đất	1.450.000	290.000	193.494	42.669	13	583	
9	Thu tiền bán nhà, thuê tài sản NN			26	26			
10	Tiền thuê đất	12.000	12.000	5.614	5.614	47	142	
11	Thu khác NS	12.000	3.100	4.281	1.581	36	123	
12	Thu tại xã	2.000	2.000	95	95	5	30	
B	THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU							
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN(A+B)	1.833.600	660.000	287.028	131.944	16	212	
II	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.232.064	1.058.464	343.839	188.755	15	121	
1	Các khoản thu được phân cấp	1.833.600	660.000	287.028	131.944		212	
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	398.114	398.114	54.416	54.416		37	
	- Bổ sung cân đối	398.114	398.114	53.407	53.407		37	
	- Bổ sung mục tiêu			1.009	1.009			
3	Chuyển nguồn năm trước sang năm nay							
4	Thu cân đối từ hđ XN khẩu							
5	Thu quản lý qua ngân sách	350	350	2.395	2.395		982	

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ QUÝ II NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 30/ 6/2023 của UBND thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2023	So sánh ước thực hiện với (%)		GHI CHÚ
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước	
	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	1.058.464	183.961	17	79	
I	Chi xây dựng cơ bản	355.000	11.003	3	27	
	- Nguồn tiền SD đất	290.000	11.003	4		
	- Nguồn khác	65.000		-	-	
II	Chi thường xuyên	681.944	172.958	25	91	
1	Chi SN kinh tế	92.563	7.166	8	23	
2	Chi SN khoa học công nghệ	487	91	19	53	
3	Chi SN môi trường	91.365	28.655	31	118	
4	Chi SN giáo dục	316.702	70.400	22	97	
5	Chi SN đào tạo	3.052	918	30	96	
6	Chi SN y tế	1.601	283	18	40	
7	Chi SN văn hoá thông tin	3.981	1.310	33	69	
8	Chi SN thể dục thể thao	1.135	222	20	96	
9	Chi SN phát thanh	2.465	190	8	28	
10	Chi đảm bảo xã hội	33.384	7.472	22	82	
11	Chi Quản lý hành chính	120.873	30.617	25	95	
12	Chi công an, Quốc phòng	12.817	4.347	34	147	
13	Chi xã, phường		21.241		160	
14	Chi khác	1.519	46	3	15	
III	Dự phòng ngân sách	21.170		-		
IV	Chi nguồn tăng thu					
V	Chi quản lý qua ngân sách	350		-		

**CÂN ĐỐI ƯỚC THỰC HIỆN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 30/ 6/2023 của UBND thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023	So sánh ước thực hiện với (%)		GHI CHÚ
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước	
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.833.600	239.565	13	48	
I	THU NỘI ĐỊA:	1.833.600	239.565	13	48	
	- Các khoản thu ngân sách thành phố hưởng 100%	201.000	75.045	37	64	
	- Các khoản thu phân chia các cấp ngân sách	1.632.600	164.520	10	43	
II	THU THUẾ XUẤT, NHẬP KHẨU:					
B	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:	2.232.064	936.915	42	81	
I	THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.231.714	932.706	42	81	
1	Thu ngân sách địa phương theo phân cấp:	1.833.600	239.565	13	48	
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	398.114	173.790	44	60	
3	Thu chuyển nguồn		519.351			
II	THU THUẾ XUẤT, NHẬP KHẨU:					
III	CÁC KHOẢN THU QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH	350	4.209	1.203	764	
C	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:	1.058.464	399.305	38	92	
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	1.058.114	399.305	38	92	
1	Chi đầu tư phát triển	290.000	59.431	20	79	
	- Nguồn thu tiền sử dụng đất	290.000	37.048	13		
	- Nguồn khác		22.283		47	
2	Chi thường xuyên	746.944	339.874	46	95	
3	Dự phòng ngân sách	21.170				
4	Nguồn tăng thu năm 2021					
II	CHI TỪ CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI QL QUA NSNN	350		-		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 30/ 6 /2023 của UBND thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2023		THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2023		So sánh ước thực hiện với (%)		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu ngân sách TP,XP	Tổng thu NSNN	Thu ngân sách TP,XP	Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước	
A	THU NỘI ĐỊA	1.833.600	660.000	416.545	239.565	23	84	
I	Thu nội địa cân đối ngân sách	1.833.600	660.000	416.545	239.565	23	84	
1	Thu XNQD TW	500	500	98	98	20	27	
2	Thu XNQD ĐP	7.600	7.600	4.719	4.719	62	125	
3	Thu từ DN vốn đầu tư nước ngoài			327				
3	Thu từ khu vực NQD	139.000	137.800	84.122	84.122	61	125	
4	Thu lệ phí trước bạ	117.000	117.000	47.305	47.305	40	75	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.500	10.500	3.008	3.008	29	60	
6	Thuế thu nhập cá nhân	70.000	70.000	27.148	27.148	39	76	
7	Thu phí, lệ phí	13.000	9.500	11.253	8.274	87	127	
8	Tiền SD đất	1.450.000	290.000	222.255	52.377	15	75	
9	Thu tiền bán nhà, thuê tài sản NN			318	318			
10	Tiền thuê đất	12.000	12.000	8.664	8.604	72	166	
11	Thu khác NS	12.000	3.100	6.732	2.996	56	128	
12	Thu tại xã	2.000	2.000	596	596	30	14	
B	THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU							
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN(A+B)	1.833.600	660.000	416.545	239.565	23	84	
II	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.232.064	1.058.464	1.114.162	771.554	50	97	
1	Các khoản thu được phân cấp	1.833.600	660.000	416.545	73.937		84	
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	398.114	398.114	173.790	173.790		60	
	- Bổ sung cân đối	398.114	398.114	172.536	172.536		60	
	- Bổ sung mục tiêu			1.254	1.254			
3	Chuyển nguồn năm trước sang năm nay			519.351	519.351			
4	Thu cân đối từ hế XN khẩu							
5	Thu quản lý qua ngân sách	350	350	4.476	4.476		812	

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2023	So sánh ước thực hiện với (%)		GHI CHÚ
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước	
	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	1.058.464	399.305	38	103	
I	Chi xây dựng cơ bản	355.000	59.431	17	218	
	- Nguồn tiền SD đất	290.000	37.048	13		
	- Nguồn khác	65.000	22.383	34	82	
II	Chi thường xuyên	681.944	339.874	50	95	
1	Chi SN kinh tế	92.563	18.687	20	46	
2	Chi SN khoa học công nghệ	487	196	40	89	
3	Chi SN môi trường	91.365	49.159	54	105	
4	Chi SN giáo dục	316.702	138.814	44	101	
5	Chi SN đào tạo	3.052	1.248	41	87	
6	Chi SN y tế	1.601	527	33	32	
7	Chi SN văn hoá thông tin	3.981	2.608	66	93	
8	Chi SN thể dục thể thao	1.135	386	34	52	
9	Chi SN phát thanh	2.465	291	12	26	
10	Chi đảm bảo xã hội	33.384	16.424	49	85	
11	Chi Quản lý hành chính	120.873	63.089	52	96	
12	Chi công an, Quốc phòng	12.817	7.267	57	145	
13	Chi xã, phường		41.076		115	
14	Chi khác	1.519	102	7	29	
III	Dự phòng ngân sách	21.170		-		
IV	Chi nguồn tăng thu					
V	Chi quản lý qua ngân sách	350		-		